TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuân
Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189-4/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189-6/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 66 đường C, phường A, quận L, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 79 đường X, phường H, quận K, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và các Biên bản hòa giải, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Hữu L kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng, có thời gian tìm hiểu nhau được 03 năm và có tổ chức kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi sống tại gia đình nhà chồng trong khoảng thời gian gần 10

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng có khuyên giải nhau mà vẫn không có kết quả. Đỉnh điểm là tháng 8 năm 2015 đến nay vợ chồng tôi đã sống ly thân nhưng trong khoản thời gian ly thân, tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn để chung sống lại với nhau được nữa. Vì vậy, mong Tòa án ghi nhận và xét xử cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

- Về con chung: Tôi xác định có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Anh V, sinh ngày 22-06-2000 và Nguyễn Hữu Anh V1, sinh ngày 10-10-2002. Ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Tôi xác định không có.

* Đối với Bị đơn - ông Nguyễn Hữu L: Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L; đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Hữu L mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu L kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà H trình bày thì vợ chồng chung sống được khoảng gần 10 năm thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 đến nay, bà H nhận

thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

[3] Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn thì thấy: Mối quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi vợ chồng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình. Tuy nhiên, với hôn nhân của vợ chồng bà H ông L thì mâu thuẫn đã kéo dài từ nhiều năm nay, bà H đã không còn tình cảm, không muốn sống chung với ông L nữa. Hiện tại, ông bà đã sống ly thân được hai năm. Về phía ông L không tham gia tố tụng dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này thể hiện ông L cũng đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn Hnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà H ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu về quan hệ con chung thì thấy: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hữu Anh V, sinh ngày 22-6-2000 và Nguyễn Hữu Anh V1, sinh ngày 10-10-2002. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông Nguyễn Hữu L vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Tuy nhiên xét hoàn cảnh thực tế của các đương sự thì thấy: Hiện nay cả hai con chung đang sống chung với bà H. Các cháu vẫn học tập và sinh hoạt bình thường. Cả hai cháu đều có đơn trình bày ý kiến xin được sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định hiện nay của các con chung, cũng như nguyện vọng của các cháu, của bà H; Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Bà H không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con; đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày không có, còn ông Nguyễn Hữu L vắng mặt nên không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Nguyễn Hữu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 161, ngày 15-12-2000 của UBND phường K, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu L có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Hữu Anh V, sinh ngày 22-6-2000 và Nguyễn Hữu Anh V1, sinh ngày 10-10-2002.

Giao 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Hữu Anh V, sinh ngày 22-6-2000 và Nguyễn Hữu Anh V1, sinh ngày 10-10-2002 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Hữu L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm**:** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003329 ngày 19 tháng 4 năm 2017.

- Chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: 2.250.000 (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu, đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai